Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN - TỔNG CÔNG TY LỌC HÓA DẦU VIỆT NAM
Ký ngày: 06/11/2026 15:02:32

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
LỌC HÓA DẦU VIỆT NAM
VIET NAM NATIONAL INDUSTRY – ENERGY GROUP
PETROVIETNAM REFINING AND PETROCHEMICAL CORPORATION

Số/*No.*: 8227 /BSR-VPHĐQT
V/v công bố Nghị quyết điều chỉnh Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026
Re: Disclosure of the Resolution on the adjustment of the 2026 production and business plan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 11 năm 2026
Quang Ngai, November 6th, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
To: Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam

   Name of company: Petrovietnam Refining and Petrochemical Corporation

- Mã chứng khoán: BSR

  Stock symbol: *BSR*

- Địa chỉ: số 208 Đại lộ Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi

  Address of head office: 208 Hung Vuong Avenue, Nghia Lo ward, Quang Ngai province.

- Điện thoại liên hệ: 0255 3825825 Fax: 0255 3825826

  Telephone: (+84) 02553825825 Fax: (+84) 02553825826

- Email: dhcd@bsr.com.vn

2. Nội dung công bố: Ngày 06/11/2026, Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết về việc phê duyệt điều chỉnh một số chỉ tiêu Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 của Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam.

   On November 6th, 2026, the Board of Directors approved the Resolution

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.bsr.com.vn. Với số định danh: 589/CV-VPHĐQT/2026

regarding the adjustment of certain targets of the 2026 production and business plan of Petrovietnam Refining and Petrochemical Corporation.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 06/11/2026 tại đường dẫn www.bsr.com.vn, chuyên mục Nhà đầu tư.

This information was published on the company's website on November 6th, 2026, as in the link www.bsr.com.vn/web/bsr-eng, Investor Relations.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct, and we bear the full responsibility under the law.

Nơi nhận/To:
- Như trên (Công bố điện tử);
  As above (E-Disclosure)
- HĐQT;
  BOD;
- BKS;
  Supervisory Board;
- TGĐ (để b/c);
  President & CEO (to report);
- Ban: KTĐT, PCRR, KTNB;
  Divisions: EI, LRM, IA;
- Lưu: VT, VPHĐQT.
  Save: DC, OBOD.

Tài liệu kèm theo/Attached:
- Nghị quyết số 5795/NQ-BSR ngày 06/11/2026.
  Resolution No. 5795/NQ-BSR dated 06/11/2026.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION
VICE PRESIDENT

M.S.D.N: 4300378569 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY LỌC HÓA DẦU VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG NGÃI

Lê Mạnh Hùng

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.bsr.com.vn. Với số định danh: 589/CV-VPHĐQT/2026

VIETNAM NATIONAL
INDUSTRY - ENERGY GROUP
PETROVIETNAM REFINING AND PETROCHEMICAL CORPORATION

No.: 5795/NQ-BSR

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Quang Ngai, 06th Nov 2026

RESOLUTION

Regarding the Approval of the Adjustment of Certain Targets of the 2026 Production and Business Plan of Petrovietnam Refining and Petrochemical Corporation (BSR)

THE BOARD OF DIRECTORS
PETROVIETNAM REFINING AND PETROCHEMICAL CORPORATION

Pursuant to the Charter of Petrovietnam Refinery and Petrochemical Corporation approved by the General Meeting of Shareholders;

Pursuant to Decision No. 2710/QĐ-BSR dated 17 April 2023 of the Board of Directors on the promulgation of the Internal Regulation on Corporate Governance and the Operating Regulation of the Board of Directors, as amended and supplemented by Resolution No. 2450/NQ-BSR dated 19 May 2026;

Pursuant to Resolution No. 1414/NQ-BSR dated 13 April 2026 of the General Meeting of Shareholders of Binh Son Refining and Petrochemical Joint Stock Company;

Pursuant to Resolution No. 1803/NQ-BSR dated 30 April 2026 of the Board of Directors regarding the approval of the 2026 Production and Business Plan of Binh Son Refining and Petrochemical Joint Stock Company (now Petrovietnam Refining and Petrochemical Corporation);

Pursuant to Resolution No. 9452/NQ-CNNL dated 23 October 2026 of the Members' Council of Vietnam National Industry - Energy Group on the approval of the adjustment of certain targets of the 2026 Production and Business Plan of Petrovietnam Refining and Petrochemical Corporation - Joint Stock Company (BSR);

Considering the proposal of the President & CEO in Submission No. 5662/TTr-BSR dated 29 October 2026 on the approval of the adjustment of certain targets of the 2026 Production and Business Plan of Petrovietnam Refining and Petrochemical Corporation (BSR),

RESOLUTION

Article 1. Approve the adjustment of certain targets of the 2026 Production and Business Plan of Petrovietnam Refining and Petrochemical Corporation (BSR) as detailed in the attached Appendices.

Other contents that are not adjusted shall be implemented in accordance with

Văn bản được tải lên hệ thống egoffice.bsr.com.vn với số định danh 5795/NQ-BSR-VPHĐQT 2026

Article 2. The President & CEO shall be responsible for directing the functional departments, branches, BSR's Representatives at other enterprises, and relevant units to organize and implement subsequent tasks in accordance with the contents approved in Article 1, ensuring compliance with current regulations.

Article 3. This Resolution shall take effect from the date of signing.

Article 4. The President & CEO, the Vice Presidents, the Plant Director Board, the Person in Charge of Corporate Governance, the General Managers of functional Divisions/Branches under the Corporation and BSR's Representatives at other enterprises shall be responsible for implementation of this Resolution./.

ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHAIRMAN



Bui Ngoc Duong

Recipients:
- As in Article 3;
- BSR Party Committee (for reporting);
- Members of the Board of Directors;
- Supervisory Board;
- Board of Management;
- Plant Director Board;
- Functional Divisions, Office, Branches;
- BSR's Representatives at other enterprises;
- Filed: DC, OBOD.

Văn bản được tải lên hệ thống egoffice.bsr.com.vn với số định danh 5983-01-VPHĐQT-2026

APPENDIX 1

ADJUSTMENT OF CERTAIN TARGETS OF THE 2026 PLAN OF PETROVIETNAM REFINING AND PETROCHEMICAL CORPORATION (BSR)

(Issued together with Resolution No. 5795/NQ-BSR dated 06th Nov 2026 of the Board of Directors of Petrovietnam Refining and Petrochemical Corporation)

No.	Criteria	Unit	2026 Plan (Resolution No. 1803/NQ-BSR dated 30 April 2026)	Adjusted 2026 Plan	Notes
I	**Consolidated finance**				
1	Total Revenue	Billion VND	154.140	190.831	
2	Profit before tax	Billion VND	2.405	20.646	
3	Profit after tax	Billion VND	2.162	18.579	
4	Average labor productivity	Million VND/person/month	6.474	8.436	
5	Average salary		40,3	50,3	
II	**Parent Company Plan**				
II.1	**Parent Company Finance**				
1	Total Assets	Billion VND	86.589	108.062	
2	Owners' equity, of which:	Billion VND	58.219	77.163	
+	*Charter capital at the end of the period*	*Billion VND*	*50.073*	*50.073*	
+	*Petrovietnam's ownership ratio*	*%*	*92,12%*	*92,12%*	
3	Total Revenue	Billion VND	153.876	190.567	
4	Profit before tax	Billion VND	2.392	20.633	
5	Profit after tax	Billion VND	2.153	18.570	
6	Return on assets (ROA) (profit after tax/total assets)	%	2,5%	17,2%	
7	Return on equity (ROE) (profit after tax/owners' equity)	%	3,7%	24,1%	
8	Average labor productivity	Million VND/ person/month	7.862	9.785	
II.2	**Investment Implementation**				

Văn bản được ký điện tử theo quy định của pháp luật. Truy cập cổng thông tin điện tử của BSR để kiểm tra tính hợp lệ của văn bản. Số hóa bởi Văn thư BSR - 5795/NQ-BSR/2026

No.	Criteria	Unit	2026 Plan (Resolution No. 1803/NQ-BSR dated 30 April 2026)	Adjusted 2026 Plan	Notes
1	**Total investment capital requirement**	**Billion VND**	**8.578**	**8.633**	
-	Capital construction investment	Billion VND	8.454	8.455	
-	Investment in equipment procurement	Billion VND	124	178	
-	Investment in capital contribution to member units	Billion VND	-	-	
2	**Investment capital sources**	**Billion VND**	**8.578**	**8.633**	
-	Owners' equity	Billion VND	8.578	8.633	
-	Loans + others	Billion VND	-	-	
3	**Disbursement value during the year**	**Billion VND**	**8.578**	**8.633**	
-	Owners' equity	Billion VND	8.578	8.633	
-	Loans + others	Billion VND	-	-	
II.3	**Labor and income indicators**				
1	Average number of employees in the period	People	1.615	1.593	
2	Salary fund for employees and the Executive Board	Million VND	854.268	1.099.166	
3	Salary and remuneration fund for members of the Board of Directors and the Supervisory Board	Million VND	18.835	22.377	

Văn bản được tải lên hệ thống gốc của cổng thông tin điện tử Chính phủ tại địa chỉ https://vanbanphapluat.chinhphu.vn và có giá trị như bản gốc theo Nghị định số 59/2026/NĐ-CP

APPENDIX 2

ADJUSTMENT TO THE 2026 CAPITAL CONSTRUCTION INVESTMENT AND EQUIPMENT PROCUREMENT PLAN OF PETROVIETNAM REFINING AND PETROCHEMICAL CORPORATION (BSR)

(Issued together with Resolution No. 5795/NQ-BSR dated 06th Nov 2026 of the Board of Directors of Petrovietnam Refining and Petrochemical Corporation)

Unit: VND billion

No.	Project name	Project location	Design capacity	Implementation period (start –completion)	Approved total investment/estimate						Approved 2026 plan			Adjusted 2026 plan						Objectives/Scope of work
					Decision No.	Approval date	Approving authority	Total	Of which					Investment expenditure			Disbursement value			
									Entity's equity	Loans and other sources	Total	Of which		Total	Of which		Total	Of which		
												Entity's equity	Loans and other sources		Entity's equity	Loans and other sources		Entity's equity	Loans and other sources	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Grand total (A+B+C)							**42.645,1**	**26.844,0**	**15.800,5**	**8.578,2**	**8.578,2**		**8.633,1**	**8.633,1**		**8.633,1**	**8.633,1**		
A	**Projects (I+II+III)**							**41.220,8**	**25.420,3**	**15.800,5**	**8.454,3**	**8.454,3**		**8.455,3**	**8.455,3**		**8.455,3**	**8.455,3**		
I	**Group A projects**							**39.004,5**	**23.402,7**	**15.601,8**	**7.840,1**	**7.840,1**		**7.840,1**	**7.840,1**		**7.840,1**	**7.840,1**		
1	***Ongoing projects***							***39.004,5***	***23.402,7***	***15.601,8***	***7.787,3***	***7.787,3***		***7.787,3***	***7.787,3***		***7.787,3***	***7.787,3***		
-	Dung Quat Refinery Upgrade Project	NMLD	171.000 thùng/ngày	2015-2028	968/QĐ-BSR	28/3/2024	BSR	39.004,5	23.402,7	15.601,8	7.787,3	7.787,3		7.787,3	7.787,3		7.787,3	7.787,3		Carry out site grading and filling; make payments under the EPC contract; cover Project Management Board and consultancy costs
2	***New-start projects***																			
3	***Projects under investment preparation***										***52,9***	***52,9***		***52,9***	***52,9***		***52,9***	***52,9***		
-	Refining and petrochemical development project	Quang Ngai	Project	2026-2034							17,0	17,0		17,0	17,0		17,0	17,0		
-	Green energy plant investment project [wind power, solar power, pumped-storage hydropower, gas-fired power (LNG/natural gas)]	Refinery	Project	2026-2032							6,0	6,0		6,0	6,0		6,0	6,0		
-	Investment project for a plant producing green fuels/products (e.g. SAF, biofuel/e-fuel, green hydrogen/green ammonia, etc.)	Refinery	Project	2026-2032							22,3	22,3		22,3	22,3		22,3	22,3		
-	Investment project for a green/advanced materials plant [e.g. carbon black (from DCO or captured CO2), batteries, semiconductors, asphalt (from DCO and recovered waste tires/plastics)]	Refinery	Project	2026-2032							7,6	7,6		7,6	7,6		7,6	7,6		
II	**Group B projects**							***2.075,1***	***1.876,4***	***198,7***	***584,4***	***584,4***		***584,4***	***584,4***		***584,4***	***584,4***		
1	***Ongoing projects***							***531,8***	***531,8***		***123,2***	***123,2***		***123,2***	***123,2***		***123,2***	***123,2***		
-	Construction of additional crude oil storage tanks for the existing Dung Quat Refinery	Refinery	65.000 m3	2025-2026	2648/QĐ-BSR	25/07/2024	BSR	531,8	531,8		123,2	123,2		123,2	123,2		123,2	123,2		Payment upon achievement of Milestone No. 10 under the EPC Contract
2	***New-start projects***							***493,4***	***294,7***	***198,7***	***170,8***	***170,8***		***170,8***	***170,8***		***170,8***	***170,8***		
-	110 kV interconnection line and substation for Dung Quat Refinery	Refinery	Outdoor substation, 110 kV transmission line and	2025-2028				493,4	294,7	198,7	170,8	170,8		170,8	170,8		170,8	170,8		

Văn bản được tải từ hệ thống egoffice.vn - Công ty cổ phần Tin học Nhà Thông minh - 5963-01-VPMD-QĐ 2026

No.	Project name	Project location	Design capacity	Implementation period (start –completion)	Approved total investment/estimate						Approved 2026 plan			Adjusted 2026 plan						Objectives/Scope of work
					Decision No.	Approval date	Approving authority	Total	Of which		Total	Of which		Investment expenditure			Disbursement value			
									Entity's equity	Loans and other sources		Entity's equity	Loans and other sources	Total	Of which		Total	Of which		
															Entity's equity	Loans and other sources		Entity's equity	Loans and other sources	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
3	***Projects under investment preparation***							***1.049,9***	***1.049,9***		***290,4***	***290,4***		***290,4***	***290,4***		***290,4***	***290,4***		
-	Da Nang Innovation Center Construction Project	Da Nang	12.500 m2	2026-2030							2,0	2,0		2,0	2,0		2,0	2,0		
-	Construction of BSR's new office headquarters	Quang Ngai	35.000 m2	2026-2030				849,9	849,9		130,2	130,2		130,2	130,2		130,2	130,2		Total investment based on preliminary estimate
-	Upgrade of tanks TK-5215A/B & TK-5203A/B (modification of existing tanks for gasoline blending components and blended gasoline)	Refinery	1 gasoline product tank	2025-2026				200,0	200,0		158,2	158,2		158,2	158,2		158,2	158,2		Total investment based on preliminary estimate
III	**Group C projects**							**141,2**	**141,2**		**29,8**	**29,8**		**30,8**	**30,8**		**30,8**	**30,8**		
1	***Ongoing projects***							**68.0**	**68.0**		**10,8**	**10,8**		**10,8**	**10,8**		**10,8**	**10,8**		
-	Construction of a security fence around the Dung Quat Refinery expansion site	Refinery	5.430 md	2024-2025	5718/QĐ-BSR	19/9/2023	BSR	7,7	7,7		2,3	2,3		2,3	2,3		2,3	2,3		
-	Installation of heat exchangers to recover heat from the condensate feed to D-3201 in Unit U-32 for energy savings.	Refinery	Unit	2024-2025	4877/QĐ-BSR	22/12/2022	BSR	9,6	9,6		1,4	1,4		1,4	1,4		1,4	1,4		
-	Construction of permanent facilities for field operators to replace temporary containers in Units U33/U57, and six permanent facilities to replace temporary tool-storage containers in various areas	Refinery	232m2	2024-2025	3141/QĐ-BSR	28/08/2024	BSR	12,1	12,1		1,9	1,9		1,9	1,9		1,9	1,9		
-	Upgrade and expansion of the existing truck loading station for DO and Jet A-1 products (adjustment project)	Refinery	System	2023-2025	2725/QĐ-BSR	31/07/2024	BSR	38,6	38,6		5,2	5,2		5,2	5,2		5,2	5,2		
2	***New-start projects***							***40,3***	***40,3***		***18,2***	***18,2***		***18,2***	***18,2***		***18,2***	***18,2***		
-	Modification of Berths 1 & 2 for receipt of feedstock/intermediate components	Refinery	System	2025-2026				40,3	40,3		18,2	18,2		18,2	18,2		18,2	18,2		
3	***Projects under investment preparation***							***32,9***	***32,9***		***0,8***	***0,8***		***1,8***	***1,8***		***1,8***	***1,8***		
-	Upgrade of retaining walls, guardrails and access gates/control posts in the T6 bridge area along the Dung Quat Refinery product pipeline route	Refinery	5.000 md	2026-2027				5,6	5,6		0,4	0,4		0,4	0,4		0,4	0,4		Total investment based on preliminary estimate
-	Permanent facility for PP Unit operating personnel	PP	80 m2	2026-2027				5,3	5,3		0,4	0,4		0,4	0,4		0,4	0,4		Total investment based on preliminary estimate
-	Renovation and upgrade of the smart car and motorcycle parking facility at BSR Headquarters							22,0	22,0					1,0	1,0		1,0	1,0		Plays an important role in ensuring suitable working conditions and operational safety, while enhancing the Company's image and standing.
B	**Procurement of equipment and fixed assets**							**424,3**	**415,7**		**123,9**	**123,9**		**177,8**	**177,8**		**177,8**	**177,8**		

Văn bản được tải từ hệ thống egoffice.bsr.com.vn với số định danh 5963-01/PMB-QHĐT 2026

No.	Project name	Project location	Design capacity	Implementation period (start –completion)	Approved total investment/estimate						Approved 2026 plan			Adjusted 2026 plan						Objectives/Scope of work
					Decision No.	Approval date	Approving authority	Total	Of which					Investment expenditure			Disbursement value			
									Entity's equity	Loans and other sources	Total	Of which		Total	Of which		Total	Of which		
												Entity's equity	Loans and other sources		Entity's equity	Loans and other sources		Entity's equity	Loans and other sources	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I	**Carry-over items from 2025**							**145,4**	**145,4**		**100,2**	**100,2**		**100,2**	**100,2**		**100,2**	**100,2**		
1	**Procurement items implemented as investment projects**										-	-		-	-					
2	**Routine procurement items**							**145,4**	**145,4**		**100,2**	**100,2**		**100,2**	**100,2**		**100,2**	**100,2**		
2.1	Procurement of fixed assets and equipment for production							1,4	1,4											
2.2	Procurement of fixed assets and office/management equipment																			
2.3	Procurement of fixed assets and laboratory equipment							37,7	37,7		26,4	26,4		26,4	26,4		26,4	26,4		
2.4	Procurement of fixed assets and equipment for environmental protection and fire prevention and fighting (FPP)							3,7	3,7		2,6	2,6		2,6	2,6		2,6	2,6		
2.5	Procurement of fixed assets and equipment for equipment inspection							5,3	5,3		4,2	4,2		4,2	4,2		4,2	4,2		
2.6	Procurement of fixed assets and equipment for maintenance and repair (M&R)							49,9	49,9		37,8	37,8		37,8	37,8		37,8	37,8		
2.7	Procurement of fixed assets and ERP software/systems							35,7	35,7		23,3	23,3		23,3	23,3		23,3	23,3		
2.8	Procurement of fixed assets and equipment for port management							11,7	11,7		5,8	5,8		5,8	5,8		5,8	5,8		
II	**New procurement items in 2026**							**278,9**	**270,3**		**17,8**	**17,8**		**71,7**	**71,7**		**71,7**	**71,7**		
1	**Procurement items implemented as investment projects**																			
2	**Routine procurement items**							**278,9**	**270,3**		**17,8**	**17,8**		**71,7**	**71,7**		**71,7**	**71,7**		
2.1	Procurement of fixed assets and equipment for production							2,9	2,9											
2.2	Procurement of fixed assets and office/management equipment							76,1	76,1					43,6	43,6		43,6	43,6		Plays an important role in ensuring suitable working conditions and operational safety, while enhancing the Company's image and standing.
2.3	Procurement of fixed assets and laboratory equipment							101,0	92,4											
2.4	Procurement of fixed assets and equipment for environmental protection and fire prevention and fighting (FPP)	NMLD						77,6	77,6		2,2	2,2		12,4	12,4		12,4	12,4		Operational safety
2.5	Procurement of fixed assets and equipment for equipment inspection	NMLD						5,7	5,7											

Văn bản được tải từ hệ thống eOffice.vsc.com.vn với số định danh 5963-VPMD-QĐ-2026

No.	Project name	Project location	Design capacity	Implementation period (start –completion)	Approved total investment/estimate						Approved 2026 plan			Adjusted 2026 plan						Objectives/Scope of work
					Decision No.	Approval date	Approving authority	Total	Of which		Total	Of which		Investment expenditure			Disbursement value			
									Entity's equity	Loans and other sources		Entity's equity	Loans and other sources	Total	Of which		Total	Of which		
															Entity's equity	Loans and other sources		Entity's equity	Loans and other sources	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
2.6	Procurement of fixed assets and equipment for maintenance and repair (M&R)	NMLD						15,6	15,6		15,6	15,6		15,6	15,6		15,6	15,6		
III	**Contingency**							-	-		**5,9**	**5,9**		**5,9**	**5,9**		**5,9**	**5,9**		
C	**M&A investment projects**							**1.000,0**	**1.000,0**											

Notes:

- The President & CEO shall regularly review and assess capital construction investment and equipment/fixed asset procurement items, prioritizing them according to urgency; and shall develop specific capital balancing plans for each capital construction investment and equipment/fixed asset procurement item in line with the Company's financial capacity. .

- The Capital construction investment and equipment/fixed asset procurement plans shall only be implemented upon full and proper completion of all required procedures in accordance with applicable state regulations, laws, and Petrovietnam's current decentralization framework; and shall be responsible for ensuring investment progress, approved investment efficiency, and capital preservation and development. .

Văn bản được tải từ hệ thống egoffice.vn - Vui lòng không tải lại 5963-VPMB-QHĐT 2026

APPENDIX 2.1

2026 ADJUSTED PLAN FOR PROCUREMENT OF EQUIPMENT AND FIXED ASSETS OF PETROVIETNAM REFINING AND PETROCHEMICAL CORPORATIONG (BSR)

(Issued together with Resolution No. 5795/NQ-BSR dated 06th Nov 2026 of the Board of Directors of Petrovietnam Refining and Petrochemical Corporation)

Unit: VND billion

No.	Item description	Total investment	Approved 2026 plan			Adjusted 2026 plan			Remarks
			Total	Funding sources		Total	Funding sources		
				Entity's equity	Loans and other sources		Entity's equity	Loans and other sources	
	Total (I+II+III)	**424,292**	**123,896**	**123,896**		**177,767**	**177,767**	**-**	
I	**Carry-over items from 2025**	**145,381**	**100,212**	**100,212**		**100,212**	**100,212**	**-**	
1	**Procurement items implemented as investment projects**								
2	**Routine procurement items (through purchase orders/estimates)**	**145,381**	**100,212**	**100,212**		**100,212**	**100,212**	**-**	
2.1	Procurement of fixed assets and equipment for production	1,400							
2.1.1	Procurement of production equipment	1,400							
2.2	Procurement of fixed assets and laboratory equipment	37,730	26,411	26,411		26,411	26,411		
2.2.1	Upgrade of the research octane number (RON) analyzer	9,900	6,930	6,930		6,930	6,930		
2.2.2	Procurement of a gas chromatograph for detailed hydrocarbon composition analysis in liquid hydrocarbon streams and natural gas.	5,480	3,836	3,836		3,836	3,836		
2.2.3	Procurement of an automatic analyzer for nitrogen, Kjeldahl nitrogen, ammonia, chloride, cyanide, phenol, nitrite, nitrate, phosphate, silicate, sulphate and surfactants in wastewater, sour water, demineralized water and boiler water.	9,950	6,965	6,965		6,965	6,965		

Văn bản được ký điện tử bởi Văn phòng điện tử Petrovietnam. Ngày ký: 06-11-2026

No.	Item description	Total investment	Approved 2026 plan			Adjusted 2026 plan			Remarks
			Total	Funding sources		Total	Funding sources		
				Entity's equity	Loans and other sources		Entity's equity	Loans and other sources	
2.2.4	Carbon-particle blasting equipment for cleaning the cylinder and combustion chamber of the RON analyzer	1,100	0,770	0,770		0,770	0,770		
2.2.5	Procurement of equipment for testing the impact resistance of polypropylene (PP) in accordance with ASTM D256	2,860	2,002	2,002		2,002	2,002		
2.2.6	Heat deflection temperature (HDT) tester for PP in accordance with ASTM D648	5,940	4,158	4,158		4,158	4,158		
2.2.7	High-temperature density meter	2,500	1,750	1,750		1,750	1,750		
2.3	Procurement of fixed assets and equipment for environmental protection and fire prevention and fighting (FPP)	3,670	2,620	2,620		2,620	2,620		
2.3.1	Personal gas detector	2,920	2,020	2,020		2,020	2,020		
2.3.2	Procurement of a specialized portable gas detector	0,750	0,600	0,600		0,600	0,600		
2.4	Procurement of fixed assets and equipment for equipment inspection	5,341	4,241	4,241		4,241	4,241		
2.4.1	Provision of a thermal imaging camera	3,900	3,100	3,100		3,100	3,100		
2.4.2	Remotely operated underwater vehicle (ROV)	1,441	1,141	1,141		1,141	1,141		
2.5	Procurement of fixed assets and equipment for maintenance and repair (M&R)	49,920	37,810	37,810		37,810	37,810		
2.5.1	Procurement and installation of medium- and low-voltage variable frequency drives (VFDs) for three motors	11,000	8,800	8,800		8,800	8,800		
2.5.2	Procurement and installation of an LPG custody transfer metering system for PV GAS Dung Quat Terminal	26,090	24,500	24,500		24,500	24,500		
2.5.3	Provision of services for additional installation of a continuous automatic wastewater monitoring system in Unit U34	4,610	0,900	0,900		0,900	0,900		

Văn bản được tải từ hệ thống egoffice.vn - Văn phòng điện tử Tổng công ty Dầu Việt Nam - 5983-01/VPMD-QHĐT 2026

No.	Item description	Total investment	Approved 2026 plan			Adjusted 2026 plan			Remarks
			Total	Funding sources		Total	Funding sources		
				Entity's equity	Loans and other sources		Entity's equity	Loans and other sources	
2.5.4	Installation of a continuous emissions monitoring system (CEMS) for the stack of Sulphur Recovery Unit 1 (SRU1)	8,220	3,610	3,610		3,610	3,610		
2.6	Procurement of fixed assets and ERP software/systems	35,670	23,300	23,300		23,300	23,300		
2.6.1	Procurement of equipment for the Network Operations Center/Security Operations Center (NOC/SOC)	5,870	4,700	4,700		4,700	4,700		
2.6.2	Phased upgrade of the refinery telecommunications system, including migration to digital technology and analog technology	8,800	7,000	7,000		7,000	7,000		Dispatch No. 457/1100004035 dated 10 December 2025 regarding deployment of a private 5G wireless network at Dung Quat Refinery
2.6.3	Implementation of a production optimization system leveraging digital transformation technologies: RTO/ML/AI Provision of cybersecurity solutions and software to ensure network security	9,000	3,600	3,600		3,600	3,600		Official Letter No. 767/BC-BSR dated 13 March 2026 regarding provision of an online Dung Quat Refinery virtual tour platform and a video wall at the integrated safety and security monitoring and refinery operations center
2.6.4	Implementation of a predictive maintenance system for equipment	12,000	8,000	8,000		8,000	8,000		The 2026 plan is reduced by VND 3.6 billion compared with Resolution No. 5259 dated 19 December 2025.
2.7	Procurement of fixed assets and equipment for port management	11,650	5,830	5,830		5,830	5,830		
2.7.1	Procurement of Refinery Vessel No. 04	11,650	5,830	5,830		5,830	5,830		
II	**New procurement items in 2026**	**278,911**	**17,784**	**17,784**		**71,655**	**71,655**	**-**	
1	**Procurement items implemented as investment projects**								
2	**Routine procurement items (through purchase orders/estimates)**	**278,911**	**17,784**	**17,784**		**71,655**	**71,655**		
2.1	Procurement of fixed assets and equipment for production	2,900				-	-		
2.1.1	Provision of two forklifts for handling plastic resin pellets/granular sulphur	1,980							

Văn bản được tải từ hệ thống egoffice.bsr.com.vn với số định danh 5983-01-VPMB-QĐ-2026

No.	Item description	Total investment	Approved 2026 plan			Adjusted 2026 plan			Remarks
			Total	Funding sources		Total	Funding sources		
				Entity's equity	Loans and other sources		Entity's equity	Loans and other sources	
2.1.2	Provision of a 2.5-ton diesel forklift with enclosed air-conditioned cab	0,920							
2.2	Procurement of fixed assets and office/management equipment	76,110				43,630	43,630		
2.2.1	Procurement of mobile shelving for records and documents at Building A1	9,980							
2.2.2	Provision of a central air-conditioning system to replace the existing system, which has been in service for over 11 years, deteriorated and frequently breaks down	8,500							
2.2.3	Procurement and installation of an additional elevator in the six-storey BSR Headquarters building	2,000				2,000	2,000		Plays an important role in ensuring suitable working conditions and operational safety, while enhancing the Company's image and standing.
2.2.4	Procurement and installation of a central air-conditioning system for the panoramic viewing building at Doi Cay Sau, Dung Quat Refinery Administrative Area	2,000				2,000	2,000		Plays an important role in ensuring suitable working conditions and operational safety, while enhancing the Company's image and standing.
2.2.5	Procurement and installation of equipment and technology systems in the main lobby and traditional room of Building A1, Dung Quat Refinery Administrative Area	28,000				14,000	14,000		Plays an important role in ensuring suitable working conditions and operational safety, while enhancing the Company's image and standing.
2.2.6	Design and installation of a 3D-effect advertising sign at the entrance to Dung Quat Refinery Administrative Area to enhance brand value and create a strong first impression on visitors entering the refinery	5,000				5,000	5,000		Plays an important role in ensuring suitable working conditions and operational safety, while enhancing the Company's image and standing.
2.2.7	Procurement and installation of technological equipment systems at the Hanoi Branch of BSR	5,000				5,000	5,000		Plays an important role in ensuring suitable working conditions and operational safety, while enhancing the Company's image and standing.

Văn bản được tải từ hệ thống egoffice.bsr.com.vn với số định danh 5983-01/PMB-BTD 2026

No.	Item description	Total investment	Approved 2026 plan			Adjusted 2026 plan			Remarks
			Total	Funding sources		Total	Funding sources		
				Entity's equity	Loans and other sources		Entity's equity	Loans and other sources	
2.2.8	Supply of equipment and installation of the information technology system at the office of BSR Innovation Center Branch in Da Nang	15,630				15,630	15,630		Plays an important role in ensuring suitable working conditions and operational safety, while enhancing the Company's image and standing.
2.3	Procurement of fixed assets and laboratory equipment	100,975				-	-		
2.3.1	FTIR analyzer for FAME testing in accordance with TCVN 8147 (EN 14078) and ASTM D7371 – applicable to B5	2,924							
2.3.2	Portable particulate matter monitor in accordance with ASTM D3685/D3685M	1,519							
2.3.3	HPLC equipment for FAME testing in jet fuel products (SAF >5%, SBC) in accordance with IP 590	2,466							
2.3.4	Hydrogen (H2) generator	2,609							
2.3.5	RFCC catalyst attrition tester in accordance with ASTM D5757	3,960							
2.3.6	Potentiometric titrator for water sample analysis in accordance with ASTM D512, ASTM D1067, ASTM D1429, APHA 4500, Merichem-10a, Merichem-30 and Merichem-16c (WE)	3,900							
2.3.7	Total nitrogen analyzer for water in accordance with ASTM D3590	6,578							
2.3.8	Automatic preparation system for reference chemicals used in the gasoline octane number analyzer in accordance with ASTM D2699 (RON)	4,500							
2.3.9	Microwave digestion system	3,949							

Văn bản được tải từ hệ thống egoffice.bsr.com.vn với số định danh 5983-01-VPMB-QĐ-2026

No.	Item description	Total investment	Approved 2026 plan			Adjusted 2026 plan			Remarks
			Total	Funding sources		Total	Funding sources		
				Entity's equity	Loans and other sources		Entity's equity	Loans and other sources	
2.3.10	Density tester for plastic samples in accordance with ASTM D972 (virgin plastics and flame-retardant plastic compounds for electronics, household applications, etc.)	1,976							
2.3.11	Rockwell hardness tester in accordance with ASTM D785 (virgin plastics and flame-retardant plastic compounds for electronics, household applications, etc.)								
2.3.12	Differential scanning calorimeter (DSC) in accordance with ASTM D3418 (for flame-retardant plastic compounds used in electronics, household applications, etc.)								
2.3.13	PP flammability tester in accordance with UL 94 (for flame-retardant plastic compounds used in electronics, household applications, etc.)								
2.3.14	Cold filter plugging point (CFPP) tester for DO L-62 in accordance with ASTM D6371	4,445							
2.3.15	Viscometer for sustainable aviation fuel (SAF) in accordance with ASTM D445	3,050							
2.3.16	Freezing point tester for sustainable aviation fuel (SAF) in accordance with ASTM D2386	2,079							
2.3.17	Centrifuge for crude oil and fuel oil (FO) in accordance with ASTM D4007 and ASTM D1796	2,024							
2.3.18	Cetane number tester for biodiesel in accordance with ASTM D613	49,000							

No.	Item description	Total investment	Approved 2026 plan			Adjusted 2026 plan			Remarks
			Total	Funding sources		Total	Funding sources		
				Entity's equity	Loans and other sources		Entity's equity	Loans and other sources	
2.3.19	Oxidation stability tester for biodiesel in accordance with EN 14112								
2.3.20	Melt flow rate tester for polypropylene (PP) in accordance with ASTM D1238	5,995							
2.4	Procurement of fixed assets and equipment for environmental protection and fire prevention and fighting (FPP)	77,641	2,200	2,200		12,441	12,441		
2.4.1	Procurement, construction and installation of a fire protection system for air-cooled heat exchangers (ACHEs) in process units	21,480	1,100	1,100		1,100	1,100		
2.4.2	Procurement and installation of an additional automatic activation function for the foam fire-extinguishing system serving open-top floating-roof crude oil storage tanks	16,110	1,100	1,100		1,100	1,100		
2.4.3	Procurement of a fire truck	29,810							
2.4.4	Installation of an automatic access control system at intersections along the product pipeline route	10,241				10,241	10,241		Operational safety
2.5	Procurement of fixed assets and equipment for equipment inspection	5,700							
2.5.1	Provision of a robot to access elevated or otherwise inaccessible/difficult-to-access locations, such as cylindrical/spherical tank walls, column shells, reactors/regenerators, etc., for inspection and corrosion assessment.	2,200							

No.	Item description	Total investment	Approved 2026 plan			Adjusted 2026 plan			Remarks
			Total	Funding sources		Total	Funding sources		
				Entity's equity	Loans and other sources		Entity's equity	Loans and other sources	
2.5.2	Investment in and installation of additional probes on the existing online ultrasonic thickness (UT) monitoring system to monitor internal corrosion in equipment and piping at critical locations, such as CDU overhead, T-1101 inlet, CDU residue loop, RFCC overhead and elevated locations.	2,000							
2.5.3	Provision of equipment for conducting corrosion under insulation (CUI) inspections on refinery piping/equipment without removing insulation	1,500							
2.6	Procurement of fixed assets and equipment for maintenance and repair (M&R)	15,584	15,584	15,584		15,584	15,584		
2.6.1	Relay protection test set	3,410	3,410	3,410		3,410	3,410		
2.6.2	CPC-100 multifunction primary test system (replacement of defective equipment)	2,465	2,465	2,465		2,465	2,465		
2.6.3	Grounding system resistance tester	0,209	0,209	0,209		0,209	0,209		
2.6.4	24-inch non-sparking fan	0,767	0,767	0,767		0,767	0,767		
2.6.5	2-inch diaphragm pump	0,532	0,532	0,532		0,532	0,532		
2.6.6	3-inch diaphragm pump	0,531	0,531	0,531		0,531	0,531		
2.6.7	1-1/2-inch pneumatic impact wrench	0,571	0,571	0,571		0,571	0,571		
2.6.8	1-inch pneumatic impact wrench	0,172	0,172	0,172		0,172	0,172		
2.6.9	Torque wrench, 400–2,100 N·m	0,344	0,344	0,344		0,344	0,344		
2.6.10	Hydrostatic test pump	0,699	0,699	0,699		0,699	0,699		
2.6.11	18,000 N·m hydraulic torque wrench	1,056	1,056	1,056		1,056	1,056		
2.6.12	High-pressure water washer	0,350	0,350	0,350		0,350	0,350		

Văn bản được tải từ hệ thống egoffice.vn - Văn phòng điện tử 5963-VPMD-QĐ2026

No.	Item description	Total investment	Approved 2026 plan			Adjusted 2026 plan			Remarks
			Total	Funding sources		Total	Funding sources		
				Entity's equity	Loans and other sources		Entity's equity	Loans and other sources	
2.6.13	Airman PDS400 air compressor	2,200	2,200	2,200		2,200	2,200		
2.6.14	Test lamp for functional testing of fire alarm devices in the refinery (TL105 Test Lamp).	0,452	0,452	0,452		0,452	0,452		
2.6.15	Test lamp for functional testing of fire alarm devices in the refinery (FS-IR-975 Test Lamp).	0,307	0,307	0,307		0,307	0,307		
2.6.16	Multifunction process calibrator (Fluke 725)	0,341	0,341	0,341		0,341	0,341		
2.6.17	HART communicator (Radar Master License excluded)	1,179	1,179	1,179		1,179	1,179		
III	**Contingency**	**-**	**5,900**	**5,900**		**5,900**	**5,900**		